

KẾT NỐI TRI THỨC | NGŨ VĂN

CẨM NANG ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2026

PHẦN 5. KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

36 đề thực hành, Hướng dẫn chấm và Rubric theo chuẩn đề thi chính thức năm 2026

BẢN GIỚI THIỆU (TRÍCH ĐOẠN)

Hướng dẫn chấm và Rubric năm 2026; Đề 27 “Dựng nhà”; Đề 32 “Tàu đi Hòn Gai”

Kết Nối Tri Thức | Ngũ Văn. Zalo: 0328 961 617

VÌ SAO CẦN BỘ TÀI LIỆU NÀY?

Từ kì thi tốt nghiệp THPT năm 2026, bài văn nghị luận văn học (4,0 điểm) được chấm bằng **Hướng dẫn chấm chia theo từng “Ý” và Rubric bốn mức**. Điểm không đến từ việc viết dài hay viết “hay” chung chung, mà từ việc bài làm có gọi tên đúng thể thơ, đề tài, nhân vật trữ tình, bố cục; có nêu yếu tố hình thức rồi rút ra nội dung; có đánh giá đặc sắc nghệ thuật và liên hệ mở rộng hay không.

Phần 5 của Cẩm nang ôn thi Kết Nối Tri Thức được biên soạn để học sinh viết đúng những gì người chấm cần tìm. Mỗi đề có Hướng dẫn chấm xây dựng theo khung đề chính thức năm 2026, Rubric bốn mức và một bài văn tham khảo viết khớp từng ý của Hướng dẫn chấm, để học sinh có thể tự chấm bài của mình như một giám khảo.

Điểm nổi bật

- **Bám sát cách chấm năm 2026:** toàn bộ 36 đề có Hướng dẫn chấm đánh số theo từng Ý và Rubric bốn mức với thang điểm như đề chính thức.
- **Lí thuyết đi liền thực hành:** Phần I gồm sáu chương (vấn đề chung, truyện, thơ, so sánh hai tác phẩm, kịch, kĩ thuật hành văn); mỗi dạng đề có khung dàn ý và ghi rõ các đề luyện tương ứng.
- **Đủ các dạng đề đang ra thi:** 13 đề so sánh hai tác phẩm, 14 đề phân tích thơ (nội dung và nghệ thuật, cấu tứ và hình ảnh, hình tượng và cảm xúc), 9 đề truyện và kí (chủ đề, nhân vật, nghệ thuật kể chuyện, tác dụng của yếu tố hình thức).
- **Bài văn tham khảo chuẩn mực:** khoảng 800 chữ, câu nêu vấn đề và câu chủ đề mỗi đoạn được in đậm; trích dẫn được đối chiếu nguyên văn với ngữ liệu.

Dành cho ai và dùng thế nào

- Học sinh lớp 12 ôn thi tốt nghiệp: viết bài trong 50 phút, tự chấm theo Rubric, rồi đối chiếu bài tham khảo để thấy mình còn thiếu Ý nào.
- Giáo viên: dùng Hướng dẫn chấm và Rubric để chấm, chữa bài trên lớp; dùng bảng nhận diện dạng đề để lên lộ trình ôn tập.
- Phụ huynh: theo dõi tiến bộ của con qua điểm tự chấm từng đề.

Trọn bộ Cẩm nang ôn thi tốt nghiệp THPT 2026

Phần	Nội dung	Số đề thực hành
Phần 1	Kĩ năng trả lời câu hỏi Đọc hiểu (thơ, truyện, kí, kịch, nghị luận, văn bản thông tin)	41 đề
Phần 2	Kĩ năng viết đoạn văn nghị luận xã hội khoảng 200 chữ	27 đề
Phần 3	Kĩ năng viết đoạn văn nghị luận văn học khoảng 200 chữ	41 đề
Phần 4	Kĩ năng viết bài văn nghị luận xã hội khoảng 600 chữ	41 đề

Phần	Nội dung	Số đề thực hành
Phần 5	Kĩ năng viết bài văn nghị luận văn học khoảng 600 chữ	36 đề

DANH MỤC 36 ĐỀ THỰC HÀNH TRONG PHẦN 5

- Đề 1. So sánh, đánh giá hình tượng đất nước trong “Bên kia sông Đuống” (Hoàng Cầm) và “Đất nước” (Nguyễn Khoa Điềm)
- Đề 2. So sánh cảm xúc của nhân vật trữ tình trong “Khúc hồi tưởng tháng ba” (Nguyễn Văn Chương) và “Tháng ba” (Nguyễn Phan Hách)
- Đề 3. Cảm nhận hình tượng đất nước trong đoạn trích “Đất nước” (Bằng Việt)
- Đề 4. Phân tích đoạn thơ trong bài “Thời gian trắng” (Nguyễn Phan Quế Mai)
- Đề 5. So sánh, đánh giá nhân vật người cha trong hai đoạn trích “Cha tôi” (Sương Nguyệt Minh) và “Cha tôi” (Phan Thị Vàng Anh)
- Đề 6. Phân tích nhân vật “tôi” trong đoạn trích hồi kí “Trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp” (Nguyễn Thị Bình)
- Đề 7. Phân tích hình ảnh đất nước trong đoạn trích “Quê hương mặt trời vàng” (Thu Bồn)
- Đề 8. So sánh bức tranh thiên nhiên trong hai đoạn thơ “Trưa hè” (Bàng Bá Lân) và “Mùa hạ” (Xuân Quỳnh)
- Đề 9. So sánh tình cảm của nhân vật trữ tình trong “Mẹ” (Bằng Việt) và “Khói bếp chiều ba mươi” (Nguyễn Trọng Hoàn)
- Đề 10. Phân tích cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Tổ quốc chân trời” (Anh Ngọc)
- Đề 11. Phân tích đoạn thơ “Người có lạnh không?” (Nguyễn Phong Việt)
- Đề 12. Phân tích bài thơ “Mới” (Tố Hữu), liên hệ với đoạn trích “Thời lá đỏ” (Bằng Việt)
- Đề 13. Phân tích hình tượng “người dưới cỏ” trong bài thơ “Lời người dưới cỏ” (Vũ Thanh Tùng)
- Đề 14. Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật đoạn thơ trích từ “Vườn thu” (Võ Văn Trực)
- Đề 15. So sánh hình tượng Tổ quốc trong “Tổ quốc” (Nguyễn Sỹ Đại) và “Tổ quốc là tiếng mẹ” (Nguyễn Việt Chiến)
- Đề 16. So sánh, đánh giá hai đoạn thơ trích từ “Sao chiến thắng” (Chế Lan Viên) và “Chân trời mới” (Tố Hữu)
- Đề 17. Phân tích đoạn trích “Ngày hòa bình đầu tiên” (Phùng Khắc Bắc)
- Đề 18. Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “Nói cùng anh” (Xuân Quỳnh)
- Đề 19. So sánh, đánh giá hai đoạn thơ trích từ “Nghe em hát trong rừng” (Phạm Tiến Duật) và “Tiếng hát trong rừng” (Hữu Thỉnh)
- Đề 20. So sánh hai cuộc chia ly trong “Đường ra mặt trận” (Chính Hữu) và “Chia tay trong đêm Hà Nội” (Nguyễn Đình Thi)
- Đề 21. So sánh, đánh giá hiện thực nghèo đói trong “Nghèo” (Nam Cao) và “Đói” (Thạch Lam)
- Đề 22. So sánh, đánh giá hình ảnh người mẹ trong “Mẹ” (Nguyễn Ngọc Oánh) và “Áo cũ” (Lưu Quang Vũ)
- Đề 23. Phân tích chủ đề và đặc sắc nghệ thuật đoạn trích “Mùa thu mới” (Tố Hữu)

- Đề 24. So sánh, đánh giá hình tượng người lính hi sinh trong “Ngủ yên đồng chí nhé” (Chế Lan Viên) và “Màu hoa đỏ” (Nguyễn Đức Mậu)
- Đề 25. Phân tích chủ đề và đặc sắc nghệ thuật bài thơ “Màu hoa còn lại” (Xuân Quỳnh)
- Đề 26. So sánh, đánh giá niềm vui đất nước hồi sinh trong “Mùa thu mới” (Tố Hữu) và “Gửi mẹ” (Xuân Quỳnh)
- Đề 27. Phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ “Dựng nhà” (Nguyễn Thúy Quỳnh)
- Đề 28. Phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ “Ngày trống không” (Chế Lan Viên)
- Đề 29. Phân tích, đánh giá chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích “Người trong mưa lũ” (Sương Nguyệt Minh)
- Đề 30. Phân tích, đánh giá chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của văn bản “Ga tàu tuổi thơ” (Vũ Thị Huyền Trang)
- Đề 31. Phân tích, đánh giá vẻ đẹp tâm hồn người lính trẻ qua nhân vật Minh trong “Sao sáng lấp lánh” (Nguyễn Thị Âm)
- Đề 32. Phân tích, đánh giá nghệ thuật kết cấu truyện lồng truyện và điểm nhìn trần thuật trong “Tàu đi Hòn Gai” (Nguyễn Quang Thân)
- Đề 33. Phân tích, đánh giá nghệ thuật kể chuyện trong đoạn trích “Phiên bản mới nhất” (Mai Văn Phấn)
- Đề 34. Phân tích, đánh giá ý nghĩa và tác dụng của nhan đề “Đường biên” (Quyên GAVOYE)
- Đề 35. Phân tích, đánh giá tác dụng của cách kết thúc truyện trong đoạn trích “Móng vuốt thời gian” (Ma Văn Kháng)
- Đề 36. Phân tích, đánh giá vẻ đẹp nhân vật thầy Huân trong “Người đánh trống trường” (Ma Văn Kháng)

TRÍCH PHẦN I: HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ RUBRIC NĂM 2026

6. Hướng dẫn chấm và Rubric chấm điểm theo đề thi chính thức năm 2026

Từ kì thi năm 2026, phần Viết được chấm theo hai công cụ đi cùng nhau: **Hướng dẫn chấm (Đáp án)** nêu các ý cần đạt, đánh số theo từng “Ý”; **Rubric chấm điểm** quy định mức điểm theo số ý thí sinh đạt được. Đề chính thức năm 2026 yêu cầu phân tích bài thơ “Những chiếc lá” của Nguyễn Đình Thi; cấu trúc Hướng dẫn chấm câu bài văn (4,0 điểm) như sau:

- **a. Yêu cầu chung (0,25 điểm):** xác định đúng vấn đề nghị luận; bảo đảm yêu cầu về dung lượng (khoảng 600 chữ) và sử dụng bằng chứng (từ văn bản và các văn bản khác cùng đề tài).
- **b. Yêu cầu cụ thể (3,75 điểm):**
 - + b1. Viết được mở bài (giới thiệu được vấn đề nghị luận) và kết bài (khẳng định vấn đề nghị luận).
 - + b2.1. Nhận diện được thể thơ, đề tài, chủ thể trữ tình hoặc nhân vật trữ tình, bố cục và mạch cảm xúc.
 - + b2.2. Phân tích được nội dung trọng tâm theo từng phần của văn bản. Ở mỗi phần, Hướng dẫn chấm tách hai bước: **nêu được các yếu tố hình thức** (hình ảnh, nét đặc sắc nghệ thuật, mối tương quan giữa các hình ảnh) và **phân tích các yếu tố hình thức để rút ra nội dung** (tâm trạng, cảm xúc, ý nghĩa triết lí nhân sinh).
 - + b2.3. Đánh giá được những đặc sắc nghệ thuật (câu tứ, từ ngữ và hình ảnh, biện pháp tu từ, giọng điệu) và đặc sắc nội dung.
 - + b2.4. Liên hệ, mở rộng: so sánh, kết nối với các bài thơ, câu thơ khác để chỉ ra điểm tương đồng hoặc khác biệt có ý nghĩa; liên hệ với thực tế đời sống hoặc bản thân để rút ra bài học.

Rubric chấm điểm quy đổi các ý trên thành ba tiêu chí, mỗi tiêu chí có bốn mức:

Tiêu chí	Thành phần nội dung	Điểm tối đa
I. Nội dung kiến thức (2,5 điểm)	b2.1. Thể thơ, đề tài, chủ thể trữ tình, bố cục và mạch cảm xúc	0,25
I. Nội dung kiến thức	b2.2. Phân tích nội dung trọng tâm (mỗi phần 0,75)	1,5
I. Nội dung kiến thức	b2.3. Đánh giá đặc sắc nghệ thuật và nội dung	0,5
I. Nội dung kiến thức	b2.4. Liên hệ, mở rộng	0,25
II. Kỹ năng phân tích và lập luận	Lựa chọn chi tiết tiêu biểu và mối quan hệ giữa các chi tiết; sử dụng thành thạo kỹ năng nghị luận; liên hệ, kết nối thuyết phục	0,75
III. Hình thức và ngôn ngữ	Bố cục ba phần; dung lượng 600 ± 200 chữ; hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, đúng ngữ pháp; trình bày khoa học	0,75

Bốn mức tổng của câu bài văn là: **Mức 4 (3,0 đến 4,0 điểm), Mức 3 (2,0 đến 2,75 điểm), Mức 2 (0,75 đến 1,75 điểm), Mức 1 (0,0 đến 0,5 điểm)**. Trong từng thành phần, điểm phụ thuộc

vào số “Ý” thí sinh đạt được; ví dụ ở b2.3, đánh giá được 3 trong 4 ý nghệ thuật và đánh giá được nội dung thì đạt 0,5 điểm, đánh giá được 2 ý thì đạt 0,25 điểm.

Điều rút ra cho người viết:

- Phải **gọi tên** rõ các yếu tố nhận diện (thể thơ, đề tài, nhân vật trữ tình, bố cục, mạch cảm xúc) ngay đầu thân bài; đây là 0,25 điểm dễ lấy nhất nhưng hay bị bỏ sót.
- Khi phân tích, đi theo trình tự **nêu yếu tố hình thức trước, rút ra nội dung sau**, và luôn chạm tới tầng ý nghĩa triết lí nhân sinh của văn bản.
- Dành hẳn một đoạn cho **đánh giá** (nghệ thuật và nội dung) và một đoạn cho **liên hệ, mở rộng**; hai phần này chiếm 0,75 điểm và là nơi phân hóa học sinh khá giỏi.
- Dung lượng được chấp nhận trong khoảng 400 đến 800 chữ; bài khoảng 650 đến 800 chữ thường đủ chỗ cho tất cả các ý của Hướng dẫn chấm.

Toàn bộ 36 đề ở Phần II đều được xây dựng Hướng dẫn chấm và Rubric theo đúng khung này; với đề truyện và đề so sánh, các thành phần b2.1, b2.2 được điều chỉnh cho phù hợp với thể loại và yêu cầu đề.

8. Bảng nhận diện dạng đề trong phần thực hành

Các đề trong phần thực hành của cuốn cẩm nang được xếp theo các dạng dưới đây. Mỗi dạng có khung dàn ý ở chương tương ứng; ngay dưới tiêu đề mỗi đề thực hành cũng ghi rõ dạng đề để học sinh mở lại phần hướng dẫn.

Dạng đề	Khung dàn ý	Đề luyện tập tương ứng
Truyện, kí: chủ đề và đặc sắc nghệ thuật	Chương II, Dạng 1	Đề 29, 30
Truyện, kí: nhân vật hoặc vẻ đẹp nhân vật	Chương II, Dạng 2	Đề 6, 31, 36
Nghệ thuật kể chuyện	Chương II, Dạng 3	Đề 32, 33
Tác dụng của một yếu tố hình thức	Chương II, Dạng 4	Đề 34, 35
Thơ: nội dung và nghệ thuật	Chương III, Dạng 1	Đề 4, 11, 14, 17, 18, 23, 25
Thơ: cấu tứ và hình ảnh	Chương III, Dạng 2	Đề 27, 28
Thơ: một hình tượng hoặc cảm xúc của nhân vật trữ tình	Chương III, Dạng 3	Đề 3, 7, 10, 13
So sánh hai tác phẩm, hai đoạn trích	Chương IV	Đề 1, 2, 5, 8, 9, 15, 16, 19, 20, 21, 22, 24, 26
Phân tích một tác phẩm kết hợp liên hệ	Chương IV, mục 5	Đề 12

TRÍCH PHẦN II: HAI ĐỀ THỰC HÀNH MẪU

Đề 27. Phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ “Dựng nhà” (Nguyễn Thúy Quỳnh)

Dạng đề: Chương III, Dạng 2. Thơ: cấu tứ và hình ảnh.

Đọc văn bản sau:

DỰNG NHÀ

(Nguyễn Thúy Quỳnh)

Trống trời trống đất trống người trong ta
Dựng một cái nhà mở ra năm cửa

Cửa quay hướng núi
bốn mùa tốt tươi
theo dõi trời dài cùng mây khói
có lúc về bên núi ta ngồi.

Cửa trông ra biển
rười rượi gió lành
lỡ có ngày ta lắm lớp
biển gột giùm cho tôi trong xanh.

Cửa mở sang láng giềng
ta mang hết thiện chân ra đối
mong nhận về đôi kẻ tri âm
khi tối đèn tắt lửa.

Cửa vọng ông bà
nơi ta bước vào cúi đầu, bước ra dài rộng
gặp ghềnh đường xa, quanh co lối hẹp
những chân nặng đời theo
nhắc lối thom về.

Cửa trở lên trời
mai ngày
không nợ nần chi nữa
thuận đường mà rong chơi.

(Nguồn: Trang thơ Nguyễn Thúy Quỳnh, *Tạp chí Sông Hương online* – số 342, ngày 25/08/2017)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá cấu tứ và hệ thống hình ảnh của bài thơ “Dựng nhà” (Nguyễn Thúy Quỳnh) ở phần Đọc hiểu.

Hướng dẫn chấm

Bài văn đáp ứng được các yêu cầu sau:

a. Yêu cầu chung: Xác định đúng vấn đề nghị luận; bảo đảm yêu cầu về dung lượng và sử dụng bằng chứng. (0,25 điểm)

- Xác định đúng vấn đề nghị luận: cấu tứ và hệ thống hình ảnh của bài thơ “Dựng nhà”.
- Bảo đảm yêu cầu về dung lượng bài văn: khoảng 600 chữ.
- Sử dụng bằng chứng: từ bài thơ “Dựng nhà” của Nguyễn Thúy Quỳnh và các bài thơ khác cùng đề tài.

b. Yêu cầu cụ thể: Thí sinh triển khai bài viết theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận. Cần bảo đảm các yêu cầu sau: (3,75 điểm)

b1. Viết được mở bài và kết bài cho bài văn nghị luận văn học

- Mở bài: giới thiệu được vấn đề nghị luận.
- Kết bài: khẳng định vấn đề nghị luận.

b2. Phân tích bài thơ

b2.1. Nhận diện được thể thơ, đề tài, nhân vật trữ tình, bố cục và mạch cảm xúc (0,25 điểm)

- Ý 1) Thể thơ: tự do.
- Ý 2) Đề tài: con người và cách sống (gửi qua hình ảnh dựng nhà).
- Ý 3) Nhân vật trữ tình: “ta”, người đang chiêm nghiệm về đời mình.
- Ý 4) Bố cục và mạch cảm xúc:
 - + Ý 4.1) Phần 1 (2 dòng thơ đầu): Cảm giác trống trải và ý nguyện dựng một ngôi nhà “mở ra năm cửa”.
 - + Ý 4.2) Phần 2 (phần còn lại): Năm cánh cửa mở về núi, biển, làng giềng, ông bà và trời; cảm xúc đi từ chông chênh đến an nhiên, thanh thản.

b2.2. Phân tích được cấu tứ và hệ thống hình ảnh (1,5 điểm)

b2.2.1. Cấu tứ của bài thơ (0,75 điểm)

Nêu được các yếu tố hình thức:

- Ý 1) Điểm khởi phát của tứ thơ: “Trống trời trống đất trống người trong ta”; điểm chuyển: “Dựng một cái nhà mở ra năm cửa”.
- Ý 2) Những nét đặc sắc nghệ thuật tổ chức tứ thơ: điệp từ “trống”; điệp từ “Cửa” mở đầu mỗi khúc; các động từ “quay”, “trông”, “mở”, “vọng” thay đổi tinh tế; dòng thơ ngắn dần ở cuối bài.
- Ý 3) Mối tương quan: “trống” đối lập với “mở”; ba cửa đầu trải theo chiều ngang không gian (núi, biển, làng giềng), hai cửa sau theo chiều dọc thời gian (ông bà, trời); tứ thơ đi từ hư không đến “rong chơi”.

Phân tích các yếu tố hình thức để rút ra được các nội dung:

- Ý 4) Hành trình tâm hồn của nhân vật trữ tình: từ chông chênh, thiếu điểm tựa đến chủ động kiến tạo, an nhiên.
- Ý 5) Ý nghĩa triết lí nhân sinh:
 - + Ý 5.1) Con người lấp đầy khoảng trống bên trong bằng sự mở lòng chứ không bằng sự khép kín.
 - + Ý 5.2) Đời người trọn vẹn khi nối được với thiên nhiên, tha nhân và cội nguồn.

b2.2.2. Hệ thống hình ảnh (0,75 điểm)

Nêu được các yếu tố hình thức:

- Ý 1) Hình ảnh trung tâm ngôi nhà, năm cánh cửa và các hình ảnh vệ tinh: núi “bốn mùa tốt tươi”, biển “rười rượi gió lạnh”, lảng giềng “tri âm”, ông bà với “cúi đầu”, “dãi rộng”, trời với “thuận đường mà rong chơi”.
- Ý 2) Những nét đặc sắc nghệ thuật: ẩn dụ, biểu tượng; từ láy “rười rượi”; đảo ngữ “thiên chân”; phép đối “bước vào cúi đầu, bước ra dãi rộng”; vận dụng sáng tạo thành ngữ “tối lửa tắt đèn”.
- Ý 3) Mối tương quan giữa các hình ảnh: hình ảnh thực gần gũi được nâng thành biểu tượng: núi (điểm tựa, nơi trở về), biển (sự thanh lọc), lảng giềng (tình người), ông bà (cội nguồn), trời (cõi về sau).

Phân tích các yếu tố hình thức để rút ra được các nội dung:

- Ý 4) Khát vọng sống hòa hợp với thiên nhiên, trong sạch, nghĩa tình với tha nhân, thủy chung với cội nguồn.
- Ý 5) Ý nghĩa triết lí nhân sinh:
 - + Ý 5.1) Nhân cách con người được dựng nên từ nhiều mối quan hệ.
 - + Ý 5.2) Sống trọn nghĩa thì ra đi thanh thản, nhẹ nhõm (“không nợ nần chi nữa”).

b2.3. Đánh giá được những đặc sắc nghệ thuật và nội dung (0,5 điểm)

Đặc sắc nghệ thuật:

- Ý 1) Cấu tứ độc đáo, chặt chẽ: từ “trống” đến “mở”, từ hư không đến tự do.
- Ý 2) Từ ngữ, hình ảnh: giản dị, quen thuộc mà hàm súc, giàu sức biểu tượng.
- Ý 3) Biện pháp tu từ: đa dạng, hiệu quả (điệp, ẩn dụ, đối, đảo ngữ).
- Ý 4) Giọng điệu: chiêm nghiệm, nhẹ nhàng mà thâm trầm.

Đặc sắc nội dung:

- Qua hình ảnh ngôi nhà mở ra năm cửa, nhà thơ khẳng định, trân trọng một lối sống rộng mở: hòa hợp với thiên nhiên, rộng lòng với tha nhân, thủy chung với cội nguồn và thanh thản trước sự hữu hạn của đời người.

b2.4. Liên hệ mở rộng (0,25 điểm)

- Ý 1) Thí sinh biết so sánh, kết nối với các bài thơ, câu thơ khác để chỉ ra những điểm tương đồng hoặc khác biệt có ý nghĩa (ví dụ: khát vọng sống có ích trong “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải).
- Ý 2) Liên hệ với thực tế đời sống hoặc bản thân để rút ra bài học: biết mở lòng với thiên nhiên, với người bên cạnh và với cội nguồn.

Rubric chấm điểm

Câu 2 (4,0 điểm)		Mức 4 (3,0 - 4,0 điểm)	Mức 3 (2,0 - 2,75 điểm)	Mức 2 (0,75 - 1,75 điểm)	Mức 1 (0,0 - 0,5 điểm)
I. Nội dung kiến thức (2,5 điểm)	b2.1. Nhận diện được thể thơ, đề tài, nhân vật trữ tình, bố cục và mạch cảm xúc (0,25 điểm)	Nêu được chính xác các yếu tố thể thơ, đề tài, nhân vật trữ tình, bố cục và mạch cảm xúc như Đáp án. (0,25 điểm)	Nêu được chính xác 03 trong 04 ý. Nêu được 04 ý nhưng không đầy đủ. (0,25 điểm)	Nêu được chính xác 02 trong 04 ý. Nêu được 03 ý nhưng không đầy đủ. (0,25 điểm)	Nêu được chính xác 01 trong 04 ý. (0,0 điểm)
	b2.2.1. Cấu tứ của bài thơ (0,75 điểm)	Nêu được đầy đủ các yếu tố hình thức như Đáp án (điểm khởi phát và điểm chuyển của tứ thơ; điệp từ, động từ; tương quan “trống” và “mở”, chiều không gian và thời gian). Phân tích được các yếu tố hình thức để rút ra nội dung như Đáp án (hành trình tâm hồn; ý nghĩa triết lí ý 5.1, ý 5.2). (0,75 điểm)	Nêu được chính xác 02 trong 03 ý hình thức. Phân tích được ý 4 và ý 5.1 hoặc ý 5.2. (0,5 điểm)	Nêu được chính xác 01 trong 03 ý hình thức. Phân tích được ý 4 hoặc ý 5.1 hoặc ý 5.2. (0,25 điểm)	Không nêu được ý nào. (0,0 điểm)
	b2.2.2. Hệ thống hình ảnh (0,75 điểm)	Nêu được đầy đủ các yếu tố hình thức như Đáp án (ngôi nhà, năm cánh cửa và các hình ảnh núi, biển, làng giềng, ông bà, trời; ẩn dụ, từ láy, đảo ngữ, phép đối; tính biểu tượng của hình ảnh). Phân tích được các yếu tố hình thức để rút ra nội dung như Đáp án (khát vọng sống; ý nghĩa triết lí ý 5.1, ý 5.2). (0,75 điểm)	Nêu được chính xác 02 trong 03 ý hình thức. Phân tích được ý 4 và ý 5.1 hoặc ý 5.2. (0,5 điểm)	Nêu được chính xác 01 trong 03 ý hình thức. Phân tích được ý 4 hoặc ý 5.1 hoặc ý 5.2. (0,25 điểm)	Không nêu được ý nào. (0,0 điểm)
	b2.3. Đánh giá được những đặc sắc nghệ thuật và nội dung (0,5 điểm)	Đánh giá được 03 trong 04 ý đặc sắc nghệ thuật như Đáp án (cấu tứ, hình ảnh, biện pháp tu từ, giọng điệu). Đánh giá được nội dung bài thơ như Đáp án. (0,5 điểm)	Đánh giá được 02 trong 04 ý đặc sắc nghệ thuật. Đánh giá được nội dung bài thơ. (0,25 điểm)	Đánh giá được 01 trong 04 ý đặc sắc nghệ thuật. Đánh giá được nội dung bài thơ. (0,25 điểm)	Chưa đánh giá được ý nào. (0,0 điểm)
	b2.4. Liên hệ mở rộng (0,25 điểm)	So sánh với các bài thơ/câu thơ khác cùng viết về lẽ sống để rút ra được những điểm tương đồng hoặc khác biệt một cách sâu sắc, thuyết phục. Rút ra được thông điệp/bài học nhân sinh sâu sắc, có ý nghĩa. (0,25 điểm)	Triển khai được 01 trong 02 ý. (0,25 điểm)	Triển khai được 01 ý nhưng còn chung chung. (0,0 điểm)	Chưa triển khai được cả 02 ý. (0,0 điểm)

Câu 2 (4,0 điểm)		Mức 4 (3,0 - 4,0 điểm)	Mức 3 (2,0 - 2,75 điểm)	Mức 2 (0,75 - 1,75 điểm)	Mức 1 (0,0 - 0,5 điểm)
II. Kỹ năng phân tích và lập luận (0,75 điểm)		Biết lựa chọn các chi tiết tiêu biểu miêu tả ngôi nhà, năm cánh cửa và các hình ảnh núi, biển, làng giềng, ông bà, trời cùng mối quan hệ giữa các chi tiết, hình ảnh làm căn cứ để rút ra nội dung bài thơ. Sử dụng thành thạo các kỹ năng nghị luận (xác định, triển khai vấn đề nghị luận; sử dụng lí lẽ, bằng chứng; các thao tác nghị luận) để phân tích, đánh giá giá trị bài thơ. Biết liên hệ, kết nối với các văn bản khác và đời sống một cách thuyết phục. (0,75 điểm)	Biết lựa chọn các chi tiết tiêu biểu miêu tả ngôi nhà, năm cánh cửa và các hình ảnh núi, biển, làng giềng, ông bà, trời cùng mối quan hệ giữa các chi tiết, hình ảnh làm căn cứ để rút ra nội dung bài thơ. Sử dụng thành thạo các kỹ năng nghị luận (xác định, triển khai vấn đề nghị luận; sử dụng lí lẽ, bằng chứng; các thao tác nghị luận) để phân tích, đánh giá giá trị bài thơ. (0,5 điểm)	Biết lựa chọn các chi tiết tiêu biểu miêu tả ngôi nhà, năm cánh cửa và các hình ảnh núi, biển, làng giềng, ông bà, trời cùng mối quan hệ giữa các chi tiết, hình ảnh làm căn cứ để rút ra nội dung bài thơ. Sử dụng chưa thành thạo các kỹ năng nghị luận để phân tích, đánh giá giá trị bài thơ. (0,25 điểm)	Chưa lựa chọn được các chi tiết tiêu biểu miêu tả ngôi nhà, năm cánh cửa và các hình ảnh núi, biển, làng giềng, ông bà, trời cùng mối quan hệ giữa các chi tiết, hình ảnh. Chưa biết cách tổ chức lập luận. (0,0 điểm)
III. Hình thức và ngôn ngữ (0,75 điểm)		Bố cục 3 phần rõ ràng (Mở bài, Thân bài, Kết bài). Dung lượng: 600 ± 200 chữ. Hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, đúng ngữ pháp tiếng Việt, không có lỗi chính tả. Trình bày khoa học, rõ ràng, sạch đẹp. (0,75 điểm)	Đáp ứng được ý 1, ý 2, ý 3. (0,5 điểm)	Đáp ứng được ý 1, ý 2. (0,25 điểm)	Đáp ứng được ý 1. (0,0 điểm)

Bài văn tham khảo

Ngôi nhà, trong tâm thức người Việt, chưa bao giờ chỉ là mái che mưa nắng mà là chốn con người neo giữ mình giữa cuộc đời. Mượn hình ảnh quen thuộc ấy, Nguyễn Thúy Quỳnh viết “Dựng nhà”, bài thơ ngắn chứa cả một quan niệm sống. **Sức hấp dẫn của bài thơ nằm ở cấu tứ đi từ khoảng trống trong lòng người đến một ngôi nhà mở ra năm cửa, cùng hệ thống hình ảnh gần gũi mà giàu sức biểu tượng.**

Bài thơ viết theo thể tự do, câu dài ngắn đan xen như lời tự nhủ. Đề tài là con người và cách sống, được gửi qua hình ảnh dựng nhà. Nhân vật trữ tình xưng “ta”, một người đang chiêm nghiệm về đời mình. Bài thơ gồm hai phần: hai dòng đầu là cảm giác trống trải và ý nguyện dựng một ngôi nhà “mở ra năm cửa”; phần còn lại lần lượt mở năm cánh cửa hướng về núi, biển, làng giềng, ông bà và trời. Mạch cảm xúc vì thế đi từ chông chênh đến an nhiên, thanh thản.

Cấu tứ của bài thơ khởi phát từ một khoảng trống và được hóa giải bằng hành động mở lòng. Dòng đầu “Trống trời trống đất trống người trong ta” lặp chữ “trống” ba lần, khoảng trống lan từ vũ trụ vào tận “người trong ta”, gợi cảm giác chông chênh. Ngay sau đó, tứ thơ rẽ hướng: “Dựng một cái nhà mở ra năm cửa”. Động từ “dựng” mang tư thế chủ động, còn chữ “mở” đối lập với chữ “trống”: con người không lấp đầy mình bằng cách khép lại, mà bằng cách mở ra. Từ đó,

điệp từ “Cửa” mở đầu từng khúc, với các động từ “quay”, “trông”, “mở”, “vọng” đổi thay tinh tế, dẫn người đọc đi trọn một vòng: ba cửa đầu trải theo chiều ngang không gian, hai cửa sau vươn theo chiều dọc thời gian. Ẩn sau đó là một triết lí: con người tự làm đầy tâm hồn bằng sự mở lòng, và đời người chỉ trọn vẹn khi nối được với thiên nhiên, tha nhân, cội nguồn.

Hệ thống hình ảnh xoay quanh ngôi nhà và năm cánh cửa, mỗi hình ảnh thực đều được nâng thành biểu tượng. Núi “bốn mùa tốt tươi” là điểm tựa vững chãi, nơi “có lúc về bên núi ta ngồi” để trở về với chính mình. Biển đón vào “rười rượi gió lành”; từ láy gợi cái mát lành thấm vào da thịt, để biển thành sức thanh lọc giữ con người “trong xanh”. Cửa lảng giềng gắn với “thiên chân”, với mong ước “đôi kẻ tri âm” lúc “tối đèn tắt lửa”, gợi lời dặn có nhau của cha ông. Cửa ông bà mang cặp đôi “cúi đầu” và “dãi rộng”: thành kính trước tổ tiên để vững vàng bước ra đời, để cội nguồn “nhắc lối thom về”. Cánh cửa cuối hướng lên trời, nơi con người nhìn điểm tận của đời mình không chút bi lụy: “không nợ nần chi nữa / thuận đường mà rong chơi”. Đó là khát vọng sống hòa hợp, trong sạch, nghĩa tình, thủy chung; nhân cách được dựng từ nhiều mối quan hệ, và ai sống trọn nghĩa thì ra đi nhẹ nhõm.

Bài thơ để lại dấu ấn nhờ những đặc sắc nghệ thuật hài hòa. Cấu tứ độc đáo, chặt chẽ, đi từ “trông” đến “mở”, từ hư không đến “rong chơi”. Hình ảnh giản dị, quen thuộc mà hàm súc. Các phép điệp, ẩn dụ, đối, đảo ngữ tự nhiên, hiệu quả. Giọng thơ chiêm nghiệm, nhẹ nhàng mà thâm trầm, như lời tự nhủ của người từng trải. Qua hình ảnh ngôi nhà năm cửa, nhà thơ khẳng định một lối sống rộng mở: hòa hợp với thiên nhiên, rộng lòng với tha nhân, thủy chung với cội nguồn và thanh thản trước sự hữu hạn của đời người.

Quan niệm sống ấy gặp gỡ mà vẫn khác với nhiều tiếng thơ quen thuộc. Trong “Mùa xuân nho nhỏ”, Thanh Hải ước nguyện “Ta làm con chim hót / Ta làm một cành hoa”, để “Lặng lẽ dâng cho đời”. Cùng khát vọng sống có ích, nhưng Thanh Hải nghiêng về dâng hiến, còn Nguyễn Thúc Quỳnh mở cửa để vừa trao đi vừa đón nhận, rồi thanh thản rong chơi. Khi nhiều người tự khép mình sau màn hình, bài thơ nhắc ta mở lòng với thiên nhiên, với người bên cạnh và với cội nguồn.

Khép lại bài thơ là hình ảnh một ngôi nhà không tường bao kín mà rộng mở về năm phía. Bằng cấu tứ chặt chẽ và những hình ảnh giản dị mà hàm súc, “Dựng nhà” biến việc dựng nhà thành hành trình con người kiến tạo đời sống tinh thần, và khế hỏi mỗi chúng ta: ngôi nhà tâm hồn mình đã mở được bao nhiêu cánh cửa?

Đề 32. Phân tích, đánh giá nghệ thuật kết cấu truyện lồng truyện và điểm nhìn trần thuật trong “Tàu đi Hòn Gai” (Nguyễn Quang Thân)

Dạng đề: Chương II, Dạng 3. Nghệ thuật kể chuyện.

Đọc văn bản sau:

Tàu đi Hòn Gai

(Trích)

(Trên con tàu chở những người nghèo xuôi về Hạ Long, nhân vật "tôi" gặp hai người bạn đồng hành đặc biệt: một người đàn ông trung niên, khắc khổ, và một bà mù đi cùng đứa con nhỏ. Người đàn ông kể rằng ông đang ra Trà Cổ tìm đứa con bất hiếu – kẻ đã cuỗm mất số vàng đường lão của ông).

Bà nói: “Thưa các ông, mỗi cây mỗi hoa mới gọi là đời. Tôi xin kể các ông nghe một chuyện mắt thấy tai nghe từ thời tôi còn nhỏ... – Bà hướng về người đàn ông – Xin ông đừng buồn, thiên hạ còn có người bất hiếu hơn thằng con ông”.

Câu nói như an ủi được phần nào người cha đau khổ, ông nghiêng người ra phía trước, lắng nghe. Người đàn bà mù kể:

- Hồi lên mười, mắt tôi còn sáng. Cạnh nhà tôi có một bà cụ mù. Bà góa chồng từ lúc còn trẻ nhưng ở vậy nuôi con. Rồi bị một cơn thiên đầu thống thế là mù hẳn. Anh con trai cưới vợ. Cả xóm nghèo ai cũng có tiền mừng, mọi người tự đặt vào bàn tay bà cụ. Ở chỗ tôi những người sáng mắt cũng còn chật vật lắm mới kiếm được miếng ăn, huống gì bà. Cưới được nàng dâu tốt nết, chắc đời bà đỡ khổ. Nhưng có ai ngờ anh con! Sau ngày anh có vợ, người ta đã xì xầm về anh những chuyện tày trời. Thế rồi một hôm, sang nhà con bạn chơi, tôi thấy nó đang cúi mũi vào một lỗ thùng trên vách đất, nhìn sang gian nhà của bà cụ mù. Nó vẫy tay tôi lại. Các chú ông có biết tôi nhìn thấy chuyện gì không? Cả nhà bà cụ đang ngồi bên mâm cơm.

Trên mâm có một đĩa rau luộc, một đĩa thịt kho vàng. Bà cụ ngồi nhai cơm. Anh con trai đang bặm môi dùng hai chiếc đũa đẩy đĩa thịt về phía vợ. Còn chị con dâu, mặt đỏ bừng vì xấu hổ, chống lại chồng bằng cách lấy đũa đẩy cái đĩa sang phía mẹ chồng. Cả hai giằng co nhau trên cái mâm, trong im lặng. Chỉ còn nghe tiếng nhai trệu trạo của bà mẹ. Lúc đó tôi nghĩ bà không biết gì. Trước mắt bà chỉ là đêm tối, như trước mắt tôi bây giờ cũng chỉ là đêm tối... Cầu trời cho các chú ông đừng bao giờ phải nhìn thấy cái cảnh tôi nhìn thấy đó. Hai năm sau, bà mẹ treo cổ tự vẫn ngay trong nhà, chị con dâu để được một đứa con trai thì ôm con về nhà mẹ. Nhưng anh con trai lại làm ăn tån tới, mua được nhà khác và dọn đi. Giờ đây, khi đã bị mù, tôi mới biết là mình đã nhầm. Người mù nhìn thấy mọi thứ trong bóng đêm!

Người đàn ông nức to lên một tiếng. Mặt ông tái xám đi trong nắng chiều. Tôi nghĩ là câu chuyện đau buồn kia đã chạm đến vết thương lòng của ông. Tôi đưa ông lọ dầu gió: “Bác khó ở?...”. Ông xua tay rồi đứng dậy, bước tới phía mũi tàu. Đôi vai to bè oằn xuống trên tấm lưng mềm nhũn như không còn cột sống chống đỡ. Tôi bỗng nghĩ đến cái chết của bà mẹ mù trong câu chuyện đang làm tôi run cả người lên. Đàn ông cũng chẳng cứng rắn gì hơn đàn bà. Trên đường ra vịnh đã có bao nhiêu cuộc đời tìm cách tự giải thoát vào làn nước xanh thẳm này. Tôi quả quyết đứng dậy, đi theo người đàn ông. Ông đã ngồi xuống đóng dây chèo trên lỗ neo. Tôi bước lại gần, cố nghĩ cách làm ông khuây khỏa: “Ngày mai mới có tàu ra Trà Cổ. Nhà tôi ở gần núi Bài Thơ, nếu tiện xin mời bác...”.

Người bạn đường nhìn tôi với đôi mắt biết ơn. Nhưng một khoảng trống mênh mông hiện ra trong mắt ông, trong cái nhìn mà tôi không thể nào mô tả nổi, một nỗi xót xa, ân hận hay thứ tình cảm gì

gần như thể đang làm đôi đồng tử mắt ông to ra, như ông đang hấp hối. Linh tính mách bảo tôi một điều: người đàn ông này phải nói câu gì đó với tôi hay bất kỳ ai khác. Nếu không ông sẽ gục xuống. Tôi đã không nhầm. Ông nói:

- Cám ơn ông. Nhưng tôi không ra Trà Cổ làm gì nữa. Tôi thế là đáng đời. Ông biết không, tôi đã nhận ra bà mù ấy. Bốn mươi năm trước bà ta là cô bé hàng xóm của hai mẹ con tôi.

(Nguyễn Quang Thân, in trong *100 truyện hay cực ngắn*, Nhiều tác giả, NXB Văn hóa Sài Gòn, 1999)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá nghệ thuật tổ chức kết cấu truyện lồng truyện và cách sử dụng điểm nhìn trần thuật trong văn bản “Tàu đi Hòn Gai” (Nguyễn Quang Thân) ở phần Đọc hiểu.

Hướng dẫn chấm

Bài văn đáp ứng được các yêu cầu sau:

a. Yêu cầu chung: Xác định đúng vấn đề nghị luận; bảo đảm yêu cầu về dung lượng và sử dụng bằng chứng. (0,25 điểm)

- Xác định đúng vấn đề nghị luận: nghệ thuật tổ chức kết cấu truyện lồng truyện và cách sử dụng điểm nhìn trần thuật trong văn bản “Tàu đi Hòn Gai” (Nguyễn Quang Thân).
- Bảo đảm yêu cầu về dung lượng bài văn: khoảng 600 chữ.
- Sử dụng bằng chứng: từ văn bản “Tàu đi Hòn Gai” của Nguyễn Quang Thân và các tác phẩm tự sự khác.

b. Yêu cầu cụ thể: Thí sinh triển khai bài viết theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận. Cần bảo đảm các yêu cầu sau: (3,75 điểm)

b1. Viết được mở bài và kết bài cho bài văn nghị luận văn học

- Mở bài: giới thiệu được vấn đề nghị luận.
- Kết bài: khẳng định vấn đề nghị luận.

b2. Phân tích, đánh giá nghệ thuật kết cấu truyện lồng truyện và điểm nhìn trần thuật

b2.1. Nhận diện được thể loại, đề tài, người kể chuyện và điểm nhìn, tình huống và bố cục (0,25 điểm)

- Ý 1) Thể loại: truyện ngắn (truyện cực ngắn).
- Ý 2) Đề tài: đạo hiếu, lương tâm con người (sự bất hiếu và vòng nhân quả của nó).
- Ý 3) Người kể chuyện và điểm nhìn: lớp truyện ngoài do nhân vật “tôi” kể (ngôi thứ nhất, người chứng kiến, điểm nhìn bên ngoài, hạn chế); lớp truyện trong do bà mù kể (ngôi thứ nhất, điểm nhìn của cô bé lên mười năm xưa và của người mù hôm nay).
- Ý 4) Tình huống và bố cục: tình huống oái oăm, người nghe chuyện hóa ra chính là nhân vật trong câu chuyện được kể.

- + Ý 4.1) Phần 1 (từ đầu đến “Người mù nhìn thấy mọi thứ trong bóng đêm!”): bà mù kể câu chuyện về người mẹ mù bị con trai hắt hủi (lớp truyện trong).
- + Ý 4.2) Phần 2 (phần còn lại): phản ứng của người đàn ông, sự quan tâm của “tôi” và lời thú nhận bất ngờ (lớp truyện ngoài khép lại).

b2.2. Phân tích được nghệ thuật kể chuyện của văn bản

b2.2.1. Kết cấu truyện lồng truyện (0,75 điểm)

Nêu được các yếu tố hình thức:

- Ý 1) Hai lớp truyện: lớp ngoài là cuộc gặp trên con tàu xuôi về Hạ Long; lớp trong là câu chuyện bà mù kể, được dẫn vào bằng lời an ủi “thiên hạ còn có người bất hiếu hơn thằng con ông”.
- Ý 2) Những nét đặc sắc nghệ thuật: lồng ghép, soi chiếu hai lớp truyện; đảo ngược chức năng câu chuyện (lời an ủi hóa thành bản cáo trạng); kết thúc bất ngờ bằng một câu thú nhận ngắn.
- Ý 3) Mối tương quan giữa các hình ảnh, sự việc: đưa con bất hiếu trong chuyện bà mù kể với người đàn ông bị con cuồn mất số vàng dưỡng lão; mâm cơm năm xưa với hành trình đi tìm con hôm nay; cô bé hàng xóm với bà mù trên tàu.

Phân tích các yếu tố hình thức để rút ra được các nội dung:

- Ý 4) Hai lớp truyện nhập làm một ở câu cuối; vòng nhân quả bốn mươi năm khép lại; sự trừng phạt đến từ chính đời sống, nhà văn không cần lời phán xét.
- Ý 5) Ý nghĩa triết lí nhân sinh:
 - + Ý 5.1) Luật nhân quả âm thầm của đời người: gieo bất hiếu thì gặt bất hiếu.
 - + Ý 5.2) Lương tâm thức tỉnh muộn màng; sự tự nhận tội là hình phạt nặng nề nhất (qua mối tương quan giữa hai lớp truyện).

b2.2.2. Người kể chuyện và điểm nhìn trần thuật (0,75 điểm)

Nêu được các yếu tố hình thức:

- Ý 1) Điểm nhìn hạn chế của người kể “tôi”: đọc sai tâm trạng người đàn ông (“Tôi nghĩ là câu chuyện đau buồn kia đã chạm đến vết thương lòng của ông”), lo ông tự tử, mời ông về nhà.
- Ý 2) Điểm nhìn trong lớp truyện lồng: cô bé lên mười nhìn qua “một lỗ thủng trên vách đất”; sự dịch chuyển điểm nhìn từ đứa trẻ sáng mắt (“bà không biết gì”) sang người mù hôm nay (“Người mù nhìn thấy mọi thứ trong bóng đêm!”).
- Ý 3) Mối tương quan: sáng và mù, thấy và không thấy; điểm nhìn hạn chế của “tôi” với lời thú nhận cuối truyện.

Phân tích các yếu tố hình thức để rút ra được các nội dung:

- Ý 4) Điểm nhìn bên ngoài giữ kín sự thật, dắt người đọc cùng hiểu lầm, tạo chấn động kép; cái nhìn trẻ thơ không bình luận khiến cảnh bất hiếu càng trần trụi; nghịch lí sáng và mù lật ngược nhận thức.
- Ý 5) Ý nghĩa triết lí nhân sinh:
 - + Ý 5.1) Mắt sáng chỉ thấy bề ngoài; phải thấu bằng trái tim mới hiểu được nỗi đau của con người.

- + Ý 5.2) Nỗi đau của cha mẹ thường âm thầm, không lời; người mẹ tưởng “không biết gì” thực ra thấu hiểu tất cả.

b2.3. Đánh giá được những đặc sắc nghệ thuật và nội dung (0,5 điểm)

Đặc sắc nghệ thuật:

- Ý 1) Tình huống truyện và kết thúc bất ngờ: cú lật không nhằm gây sốc mà để đánh thức lương tri.
- Ý 2) Chi tiết đòn nén, đắt giá: mâm cơm (“một đĩa rau luộc, một đĩa thịt kho vàng”), hai đôi đũa giằng co, “tiếng nhai trệu trạo của bà mẹ”; những tín hiệu báo trước (“Mặt ông tái xám đi trong nắng chiều”).
- Ý 3) Giọng kể khách quan, tiết chế, không cảm thán.
- Ý 4) Ngôn ngữ ngắn gọn, hàm súc, phù hợp đặc trưng truyện cực ngắn (lời thú nhận “Tôi thể là đáng đời.”).

Đặc sắc nội dung:

- Qua câu chuyện về vòng nhân quả của sự bất hiểu, nhà văn cảnh tỉnh con người về đạo hiếu, về luật nhân quả âm thầm của đời sống và sức mạnh của lương tâm.

b2.4. Liên hệ mở rộng (0,25 điểm)

- Ý 1) Thí sinh biết so sánh, kết nối với các tác phẩm khác để chỉ ra những điểm tương đồng hoặc khác biệt có ý nghĩa (ví dụ: trong “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu, câu chuyện người đàn bà hàng chài kể ở tòa án huyện cũng làm thay đổi nhận thức của người nghe; nhưng ở “Tàu đi Hòn Gai”, người nghe nhận ra chính tội lỗi của mình).
- Ý 2) Liên hệ với thực tế đời sống hoặc bản thân để rút ra bài học: yêu thương, phụng dưỡng cha mẹ khi còn có thể; sống tử tế để không phải ân hận.

Rubric chấm điểm

Câu 2 (4,0 điểm)		Mức 4 (3,0 - 4,0 điểm)	Mức 3 (2,0 - 2,75 điểm)	Mức 2 (0,75 - 1,75 điểm)	Mức 1 (0,0 - 0,5 điểm)
I. Nội dung kiến thức (2,5 điểm)	b2.1. Nhận diện thể loại, đề tài, người kể chuyện và điểm nhìn, tình huống và bố cục (0,25 điểm)	Nêu được chính xác các yếu tố thể loại, đề tài, người kể chuyện và điểm nhìn, tình huống và bố cục như Đáp án. (0,25 điểm)	Nêu được chính xác 03 trong 04 ý. Nêu được 04 ý nhưng không đầy đủ. (0,25 điểm)	Nêu được chính xác 02 trong 04 ý. Nêu được 03 ý nhưng không đầy đủ. (0,25 điểm)	Nêu được chính xác 01 trong 04 ý. (0,0 điểm)
	b2.2.1. Kết cấu truyện lồng truyện (0,75 điểm)	Nêu được đầy đủ các yếu tố hình thức (hai lớp truyện; nghệ thuật lồng ghép, đảo ngược chức năng câu chuyện, kết thúc bất ngờ; mối tương quan giữa hai lớp truyện) như Đáp án. Phân tích được các yếu tố hình thức để rút ra nội dung như Đáp án. (0,75 điểm)	Nêu được chính xác 02 trong 03 ý hình thức. Phân tích được ý 4 và ý 5.1 hoặc ý 5.2. (0,5 điểm)	Nêu được chính xác 01 trong 03 ý hình thức. Phân tích được ý 4 hoặc ý 5.1 hoặc ý 5.2. (0,25 điểm)	Không nêu được ý nào. (0,0 điểm)

Câu 2 (4,0 điểm)		Mức 4 (3,0 - 4,0 điểm)	Mức 3 (2,0 - 2,75 điểm)	Mức 2 (0,75 - 1,75 điểm)	Mức 1 (0,0 - 0,5 điểm)
	b2.2.2. Người kể chuyện và điểm nhìn trần thuật (0,75 điểm)	Nêu được đầy đủ các yếu tố hình thức (điểm nhìn hạn chế của “tôi”; điểm nhìn của cô bé và sự dịch chuyển điểm nhìn; mối tương quan sáng và mù) như Đáp án. Phân tích được các yếu tố hình thức để rút ra nội dung như Đáp án. (0,75 điểm)	Nêu được chính xác 02 trong 03 ý hình thức. Phân tích được ý 4 và ý 5.1 hoặc ý 5.2. (0,5 điểm)	Nêu được chính xác 01 trong 03 ý hình thức. Phân tích được ý 4 hoặc ý 5.1 hoặc ý 5.2. (0,25 điểm)	Không nêu được ý nào. (0,0 điểm)
	b2.3. Đánh giá đặc sắc nghệ thuật và nội dung (0,5 điểm)	Đánh giá được 03 trong 04 ý đặc sắc nghệ thuật (tình huống và kết thúc bất ngờ, chi tiết dồn nén, giọng kể tiết chế, ngôn ngữ hàm súc) như Đáp án. Đánh giá được nội dung văn bản như Đáp án. (0,5 điểm)	Đánh giá được 02 trong 04 ý đặc sắc nghệ thuật. Đánh giá được nội dung. (0,25 điểm)	Đánh giá được 01 trong 04 ý đặc sắc nghệ thuật. Đánh giá được nội dung. (0,25 điểm)	Chưa đánh giá được ý nào. (0,0 điểm)
	b2.4. Liên hệ mở rộng (0,25 điểm)	So sánh với các tác phẩm khác (ví dụ: “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu) để rút ra được những điểm tương đồng hoặc khác biệt một cách sâu sắc, thuyết phục. Rút ra được thông điệp/bài học nhân sinh sâu sắc, có ý nghĩa. (0,25 điểm)	Triển khai được 01 trong 02 ý. (0,25 điểm)	Triển khai được 01 ý nhưng còn chung chung. (0,0 điểm)	Chưa triển khai được cả 02 ý. (0,0 điểm)
II. Kỹ năng phân tích và lập luận (0,75 điểm)		Biết lựa chọn các chi tiết tiêu biểu về hai lớp truyện, điểm nhìn của người kể và các tín hiệu báo trước và mối quan hệ giữa các chi tiết làm căn cứ để rút ra nội dung, ý nghĩa của văn bản. Sử dụng thành thạo các kỹ năng nghị luận (xác định, triển khai vấn đề nghị luận; sử dụng lí lẽ, bằng chứng; các thao tác nghị luận) để phân tích, đánh giá giá trị văn bản. Biết liên hệ, kết nối với các văn bản khác và đời sống một cách thuyết phục. (0,75 điểm)	Biết lựa chọn các chi tiết tiêu biểu về hai lớp truyện, điểm nhìn của người kể và các tín hiệu báo trước và mối quan hệ giữa các chi tiết làm căn cứ để rút ra nội dung, ý nghĩa của văn bản. Sử dụng thành thạo các kỹ năng nghị luận để phân tích, đánh giá giá trị văn bản (đáp ứng 2 yêu cầu đầu của Mức 4). (0,5 điểm)	Biết lựa chọn các chi tiết tiêu biểu về hai lớp truyện, điểm nhìn của người kể và các tín hiệu báo trước làm căn cứ để rút ra nội dung, ý nghĩa của văn bản. Sử dụng chưa thành thạo các kỹ năng nghị luận để phân tích, đánh giá giá trị văn bản. (0,25 điểm)	Chưa lựa chọn được các chi tiết tiêu biểu về hai lớp truyện, điểm nhìn của người kể và các tín hiệu báo trước làm căn cứ để rút ra nội dung, ý nghĩa của văn bản. Chưa biết cách tổ chức lập luận. (0,0 điểm)

Câu 2 (4,0 điểm)		Mức 4 (3,0 - 4,0 điểm)	Mức 3 (2,0 - 2,75 điểm)	Mức 2 (0,75 - 1,75 điểm)	Mức 1 (0,0 - 0,5 điểm)
III. Hình thức và ngôn ngữ (0,75 điểm)		Bố cục 3 phần rõ ràng (Mở bài, Thân bài, Kết bài). Dung lượng: 600 ± 200 chữ. Hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, đúng ngữ pháp tiếng Việt, không có lỗi chính tả. Trình bày khoa học, rõ ràng, sạch đẹp. (0,75 điểm)	Đáp ứng được ý 1 (bố cục), ý 2 (dung lượng), ý 3 (hành văn) của Mức 4. (0,5 điểm)	Đáp ứng được ý 1 (bố cục), ý 2 (dung lượng) của Mức 4. (0,25 điểm)	Đáp ứng được ý 1 (bố cục) của Mức 4. (0,0 điểm)

Bài văn tham khảo

Truyện càng ngắn, mỗi chữ càng phải gánh nhiều nghĩa. “Tàu đi Hòn Gai” của Nguyễn Quang Thân chỉ dài vài trang mà khép lại trọn một vòng nhân quả bốn mươi năm. **Sức ám ảnh được tạo nên chủ yếu từ kết cấu truyện lồng truyện và cách nhà văn điều khiển điểm nhìn trần thuật, để sự thật chỉ bật ra ở dòng cuối cùng.**

Là một truyện cực ngắn viết về đề tài đạo hiếu và lương tâm con người, tác phẩm có lối kể rất có chủ ý. Người kể chuyện xưng “tôi” ở ngôi thứ nhất là một hành khách chứng kiến sự việc, chỉ nhìn từ bên ngoài. Truyện có hai lớp: lớp ngoài là cuộc gặp trên con tàu xuôi về Hạ Long giữa “tôi”, người đàn ông đi tìm đứa con bất hiếu và bà mù; lớp trong là chuyện bà mù kể về một người mẹ mù bị con trai hắt hủi. Tình huống truyện thật oái oăm: người nghe chuyện hóa ra chính là nhân vật trong chuyện.

Trước hết, kết cấu truyện lồng truyện đã biến câu chuyện kể dọc đường thành tấm gương soi ngược vào chính người nghe. Bà mù kể với dụng ý an ủi: “thiên hạ còn có người bất hiếu hơn thằng con ông”. Ở lớp truyện trong, người con giành miếng thịt của mẹ, để rồi “Hai năm sau, bà mẹ treo cổ tự vẫn ngay trong nhà”, còn anh ta “lại làm ăn tấn tới”. Hai lớp truyện tưởng song song, nhưng đến câu cuối, “Bốn mươi năm trước bà ta là cô bé hàng xóm của hai mẹ con tôi.”, chúng bỗng nhập làm một. Lời an ủi hóa thành bản cáo trạng; kẻ từng tước miếng ăn của mẹ nay bị chính con mình cuồn mất số vàng dưỡng lão. Nhà văn không cần phán xét, đời sống đã tự xếp đặt sự trừng phạt. Luật nhân quả hiện lên lặng lẽ mà nghiêm khắc: gieo bất hiếu thì gặt bất hiếu, và lương tâm thức tỉnh dù muộn vẫn là bản án nặng nề nhất.

Sâu hơn, cách tổ chức điểm nhìn là chiếc chìa khóa giữ kín rồi mở bung bí mật của truyện. Người kể “tôi” chỉ nhìn từ bên ngoài nên đã đọc sai: “Tôi nghĩ là câu chuyện đau buồn kia đã chạm đến vết thương lòng của ông”. Anh còn sợ ông tìm đến cái chết, ân cần mời ông về nhà. Điểm nhìn hạn chế ấy dắt người đọc cùng hiểu lầm, để lời thú nhận cuối truyện gây chấn động kép. Trong lớp truyện lồng, cảnh bất hiếu hiện ra qua đôi mắt cô bé lên mười ghé vào “một lỗ thủng trên vách đất”: cái nhìn trẻ thơ không bình luận nên càng trần trụi. Rồi điểm nhìn dịch chuyển, từ đứa trẻ sáng mắt từng nghĩ “bà không biết gì” đến người đàn bà mù hôm nay ngộ ra: “Người mù nhìn thấy mọi thứ trong bóng đêm!”. Nghịch lý ấy chứa một triết lý sâu xa: mắt sáng chỉ thấy bề ngoài, phải thấu bằng trái tim mới hiểu hết nỗi đau âm thầm của những người mẹ.

Đặt trong chỉnh thể, nghệ thuật kể chuyện của Nguyễn Quang Thân mang đậm dấu ấn truyện cực ngắn: dồn nén, tiết chế mà ám ảnh. Kết thúc bất ngờ không để gây sốc mà để đánh thức lương tri. Chi tiết được chọn lọc đắt giá: “một đĩa rau luộc, một đĩa thịt kho vàng”, hai đôi đũa giăng co “trong im lặng”, “tiếng nhai trệu trạo của bà mẹ”; những tín hiệu báo trước như “Mặt ông tái xám đi trong nắng chiều”. Giọng kể khách quan, không một lời cảm thán; lời thú nhận chỉ vờn vện “Tôi thế là đáng đời.” Qua đó, tác phẩm cảnh tỉnh con người về đạo hiếu và luật nhân quả âm thầm của đời sống.

Lỗi dùng một câu chuyện được kể để thức tỉnh người nghe cũng gợi nhớ “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu. Ở đó, câu chuyện người đàn bà hàng chài kể nơi tòa án huyện khiến Phùng và Đẩu vỡ lẽ về sự thật đời sống. Nhưng nếu người nghe trong truyện Nguyễn Minh Châu nhận ra điều mình chưa hiểu về người khác, thì người nghe trong “Tàu đi Hòn Gai” lại nhận ra chính tội lỗi của mình. Từ đó, ta càng thấm thía: hãy yêu thương cha mẹ khi còn có thể, bởi có những ân hận không gì bù đắp nổi.

Con tàu vẫn xuôi về vịnh, nhưng người đọc khó lòng rời boong tàu ấy nhẹ nhõm. Bằng kết cấu truyện lồng truyện và nghệ thuật điều khiển điểm nhìn, Nguyễn Quang Thân đã biến một câu chuyện dọc đường thành cuộc đối diện với lương tâm. Truyện khép lại, còn đó câu hỏi day dứt: đã bao lần ta nhìn cha mẹ bằng đôi mắt sáng mà vẫn chẳng thấy gì?

ĐĂNG KÍ SỞ HỮU TRỌN BỘ TÀI LIỆU

Bản giới thiệu này chỉ trích một phần nhỏ của Phần 5. Trọn bộ Cẩm nang ôn thi tốt nghiệp THPT 2026 gồm năm phần, hơn 180 đề thực hành, tất cả có đáp án chi tiết; riêng hai phần bài văn có Hướng dẫn chấm và bài văn tham khảo hoàn chỉnh cho từng đề.

Liên hệ

- **Trang Facebook:** Kết Nối Tri Thức | Ngữ Văn
- **Zalo:** 0328 961 617
- **Cộng đồng học tập trực tuyến:** Cộng Đồng Dạy và Học Ngữ Văn

Học đúng cách chấm, viết đúng điều người chấm tìm.